| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>THÀNH PHỐ HUẾ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 647 /KH-UBND | *Huế, ngày 20 tháng 11 năm 2026* |

# KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Quyết định số 1960/QĐ-TTg ngày 09/10/2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc với Đảng ủy Chính phủ và các cơ quan về tình hình thực hiện chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người yếu thế trên địa bàn thành phố Huế**

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức quán triệt đầy đủ, triển khai nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các nội dung tại Thông báo số 159-TB/VPTW ngày 29/8/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc với Đảng ủy Chính phủ và các cơ quan về tình hình thực hiện chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người yếu thế (*sau đây viết tắt là Thông báo số 159-TB/VPTW*) trên địa bàn thành phố; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành và toàn xã hội, chuyển mạnh tư duy từ hỗ trợ mang tính bình quân, bao cấp sang xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, bao trùm, lấy người dân làm trung tâm, gia đình và cộng đồng làm nền tảng, bảo đảm không để ai bị bỏ lại phía sau.

2. Bám sát nội dung, cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ theo kết luận tại Thông báo số 159-TB/VPTW và Quyết định số 1960/QĐ-TTg ngày 09/10/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc với Đảng ủy Chính phủ và các cơ quan về tình hình thực hiện chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người yếu thế (*sau đây viết tắt là Quyết định số 1960/QĐ-TTg*); xác định cụ thể nhiệm vụ, trách nhiệm của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và chính quyền địa phương trong tổ chức thực hiện theo phương châm "06 rõ": rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả; bảo đảm đồng bộ với việc triển khai Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, nâng cáo chất lượng chính sách xã hội, đề cao tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm phối hợp và thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát.

## II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, YÊU CẦU TRONG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI, HỖ TRỢ NGƯỜI YẾU THẾ

### 1. Quan điểm

- Bảo đảm an sinh xã hội là trách nhiệm của Nhà nước và toàn xã hội, là đầu tư cho con người và tương lai phát triển của thành phố. Hiệu quả chính sách an sinh xã hội phải được đo lường bằng sức khỏe, giáo dục, chất lượng nguồn nhân lực, sự ổn định xã hội và niềm tin của Nhân dân.

- An sinh xã hội phải bao phủ toàn dân, đồng thời ưu tiên nguồn lực cho những người yếu thế, nhất là trẻ em, người cao tuổi không có lương hưu, người khuyết tật, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người gặp thiên tai, mất việc làm, nạn nhân của bạo lực, người không có khả năng lao động và những người không có khả năng tự bảo vệ.

- An sinh xã hội bền vững phải dựa trên việc làm, thu nhập ổn định, khả năng tiếp cận nhà ở, y tế, giáo dục, dinh dưỡng, chăm sóc trẻ em và các dịch vụ thiết yếu.

- Lấy người dân làm trung tâm; gia đình, cộng đồng làm nền tảng; cấp cơ sở là tuyến đầu hành động. Chính sách cần được thiết kế sát với thực tế, không bị chia cắt bởi địa giới hành chính hay cơ quan quản lý. Chủ động phát hiện, hỗ trợ đúng người, đúng lúc; không yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước, trên cơ sở kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và chuẩn hóa dữ liệu định danh theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm hài hòa giữa công bằng và hiệu quả, nhân văn và kỷ luật, quyền lợi trước mắt và bền vững lâu dài; khắc phục tình trạng bình quân, dàn trải; không để những quy định máy móc loại những người thực sự khó khăn ra khỏi chính sách.

- Đánh giá kết quả bằng những thay đổi thực chất trong đời sống và niềm tin của Nhân dân; không chỉ thống kê số văn bản, số người thụ hưởng hay số tiền đã chi, mà phải bảo đảm chính sách đến đúng người, kịp thời, giảm gánh nặng chi phí, tạo việc làm cho người trong độ tuổi lao động, phấn đấu 100% trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường.

**2. Mục tiêu và yêu cầu đến năm 2030, 2045**

**a) Mục tiêu**

Đến năm 2030, hình thành cơ bản hệ thống an sinh xã hội đa tầng, bao trùm, số hóa, bảo đảm sàn an sinh tối thiểu cho tất cả người dân. Đến năm 2045, hệ thống an sinh xã hội tiếp cận chuẩn mực của các nước phát triển có thu nhập cao, với dịch vụ chất lượng, tài chính bền vững, quản trị minh bạch và khả năng ứng phó nhanh trước các rủi ro.

**b) Yêu cầu**

- Sàn an sinh tối thiểu phải bảo đảm chăm sóc y tế thiết yếu, thu nhập cơ bản và điều kiện phát triển cho trẻ em; hỗ trợ người trong độ tuổi lao động khi mất việc, mất sinh kế, thai sản, tai nạn, khuyết tật; bảo đảm thu nhập và chăm sóc thiết yếu cho người cao tuổi. Trên nền tảng đó, tiếp tục phát triển các tầng

bảo hiểm bắt buộc, tự nguyện, bổ sung và huy động sự tham gia của Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng, gia đình.

- An sinh xã hội phải được đặt trong mối quan hệ gia đình và liên thế hệ; việc làm, thu nhập của cha mẹ gắn liền với điều kiện sống, chăm sóc và học tập của các con. Chính sách phải được đánh giá bằng lợi ích thực chất đối với mỗi người dân, sự bền vững của gia đình và tương lai của thế hệ sau. Tinh thần "không để ai bị bỏ lại phía sau" phải được cụ thể hóa bằng kết quả có thể kiểm tra, giám sát; không để người dân rơi xuống dưới mức sống tối thiểu mà không được phát hiện, trẻ em bỏ học vì nghèo, người khuyết tật đặc biệt nặng không có người chăm sóc, gia đình gặp thiên tai phải chờ đợi quá lâu mới được hỗ trợ.

- An sinh xã hội cần có tầm nhìn dài hạn, xác định đúng ưu tiên, tổ chức thực hiện hiệu quả. Nguồn lực chi cho an sinh xã hội không chỉ có ngân sách nhà nước mà còn là trách nhiệm chung của cộng đồng và ý chí, nghị lực của mỗi người dân. Đột phá quan trọng nhất không chỉ là tăng mức trợ cấp mà là nâng cao năng lực của cơ quan nhà nước trong việc phát hiện, lắng nghe và hỗ trợ người dân kịp thời; bảo đảm các chính sách được thực hiện đồng bộ, phòng ngừa tốt rủi ro và tạo điều kiện để người dân tự vươn lên.

## III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

### 1. Nâng cao nhận thức về vai trò của chính sách an sinh xã hội trong chính sách xã hội

- Tăng cường quán triệt, thống nhất nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và toàn xã hội về vai trò, vị trí của an sinh xã hội trong tổng thể hệ thống chính sách xã hội và trong phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; xác định bảo đảm an sinh xã hội là trách nhiệm của Nhà nước và toàn xã hội, là đầu tư cho con người, góp phần bảo đảm ổn định xã hội, phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

- Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, quán triệt nội dung Thông báo số 159-TB/VPTW và Quyết định số 1960/QĐ-TTg đến các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương; tạo sự thống nhất và chuyển biến rõ rệt trong nhận thức, trách nhiệm và hành động của cả hệ thống chính trị về công tác an sinh xã hội, hỗ trợ người yếu thế.

- Tăng cường thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của người dân về quyền, trách nhiệm và khả năng tiếp cận các chính sách an sinh xã hội; chú trọng tuyên truyền đến các nhóm người yếu thế, người nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và người lao động có nguy cơ mất việc làm, mất sinh kế.

### 2. Thiết lập hồ sơ an sinh và đầu mối phục vụ người dân

- Phối hợp triển khai, kết nối, đồng bộ, khai thác và sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu an sinh xã hội của thành phố với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư,

bảo hiểm, thuế, việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, thiên tai và các cơ sở dữ liệu khác theo quy định; từng bước hình thành hồ sơ an sinh của người dân theo vòng đời, phục vụ quản lý, theo dõi, phát hiện và hỗ trợ kịp thời người dân có nhu cầu; bảo đảm kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu đúng quy định, an ninh, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Theo dõi, rà soát, đánh giá kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn thành phố theo các tiêu chí về mức độ bao phủ, phạm vi quyền lợi, tỷ lệ bỏ sót đối tượng, thời gian giải quyết, chi phí người dân phải tự chi trả, khả năng tiếp cận việc làm, khả năng tiếp cận chính sách, dịch vụ của người khuyết tật và mức độ hài lòng của người hưởng; kịp thời phát hiện, khắc phục tình trạng bỏ sót đối tượng, giải quyết chậm hoặc để phát sinh phản ánh, kiến nghị kéo dài; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương và người đứng đầu trong tổ chức thực hiện, giải quyết và báo cáo kết quả theo quy định.

**3. Củng cố sàn an sinh và cải cách chính sách trợ giúp xã hội**

- Rà soát việc thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn; phát hiện những nội dung còn chồng chéo, trùng lặp, bất cập trong tổ chức thực hiện để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bảo đảm thống nhất tiêu chí, giảm đầu mối, nâng cao hiệu quả thực hiện và phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng các chính sách trợ giúp xã hội; chủ động rà soát, phát hiện, hỗ trợ kịp thời người dân gặp biến cố, hoàn cảnh khó khăn, bảo đảm không để người dân rơi xuống dưới mức sống tối thiểu mà không được phát hiện, hỗ trợ.

- Thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội theo hướng lấy người dân làm trung tâm, bảo đảm công bằng, nhân văn, đúng đối tượng; đồng thời tạo điều kiện để người dân có khả năng lao động tiếp cận việc làm, sinh kế, tín dụng và các dịch vụ hỗ trợ để từng bước tự vươn lên.

**4. Mở rộng bảo hiểm xã hội và xây dựng thị trường lao động bao trùm**

- Tổ chức tuyên truyền, vận động, hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định; chú trọng người thu nhập thấp, lao động phi chính thức, lao động tự do và các nhóm có nguy cơ không được bao phủ.

- Phối hợp thực hiện các chính sách mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, đề xuất cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp phù hợp với người lao động có thu nhập thấp, lao động phi chính thức và các nhóm lao động mới.

- Gắn chính sách trợ giúp người trong độ tuổi lao động với đào tạo kỹ năng, tư vấn việc làm, tín dụng và kết nối doanh nghiệp; nâng cao chất lượng đào tạo nghề, chú trọng đánh giá hiệu quả đào tạo bằng kết quả việc làm thực tế.

- Tăng cường tư vấn, giới thiệu việc làm, hướng nghiệp, hỗ trợ chuyển đổi việc làm cho người lao động, nhất là người thuộc nhóm yếu thế, người khuyết tật, người sau cai nghiện, người chấp hành xong án phạt tù và lao động lớn tuổi.

- Phối hợp triển khai các chính sách khuyến khích doanh nghiệp tuyển dụng người khuyết tật, người sau cai nghiện, người chấp hành xong án phạt tù và lao động lớn tuổi; thực hiện các giải pháp tạo việc làm bền vững, tăng thu nhập và bảo đảm quyền lợi của người lao động.

- Ưu tiên hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn; nghiên cứu, triển khai phù hợp các mô hình sinh kế đối với hộ gia đình có người cao tuổi, người khuyết tật; tạo điều kiện tiếp cận nguồn vốn ưu đãi để tạo việc làm, tăng thu nhập theo quy định.

**5. Xây dựng hệ thống an sinh gia đình và liên thế hệ**

- Quy hoạch, đầu tư phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu đô thị và các khu vực tập trung đông người lao động phải bảo đảm đồng bộ giữa phát triển việc làm với nhà ở xã hội, trường học, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục mầm non, nhà trẻ và các dịch vụ thiết yếu; quan tâm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, chăm sóc con nhỏ và ổn định đời sống của người lao động và gia đình, góp phần bảo đảm an sinh xã hội bền vững..

- Bảo đảm chính sách an sinh được thực hiện theo nhu cầu và quá trình dịch chuyển của người lao động, hạn chế gián đoạn khi người lao động thay đổi nơi cư trú hoặc việc làm; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, địa phương trong thực hiện chính sách bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và hỗ trợ xã hội.

- Rà soát, quản lý, hỗ trợ đối với trẻ em sống xa cha mẹ, trẻ em do ông bà chăm sóc, gia đình có nhiều người phụ thuộc; kết nối hỗ trợ chăm sóc trẻ em với việc làm và thu nhập của cha mẹ, không để khó khăn của thế hệ trước trở thành thiệt thòi của thế hệ sau.

**6. Phát triển kinh tế chăm sóc, chủ động ứng phó với tình trạng già hóa dân số**

- Triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, công tác xã hội và chăm sóc tại gia đình, cộng đồng đối với người cao tuổi, người khuyết tật và các nhóm có nhu cầu chăm sóc; phát triển phù hợp các hình thức chăm sóc ban ngày, chăm sóc tạm thời, chăm sóc giảm nhẹ và hỗ trợ sức khỏe tâm thần.

- Phối hợp triển khai, nghiên cứu, đánh giá các mô hình bảo hiểm chăm sóc dài hạn khi có hướng dẫn của Trung ương; chủ động rà soát nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương để đề xuất các giải pháp phù hợp.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên công tác xã hội, điều dưỡng và người chăm sóc tại nhà; từng bước chuẩn hóa hoạt động chăm sóc theo hướng chuyên nghiệp, phù hợp nhu cầu của người dân.

- Rà soát, đề xuất và triển khai các mô hình nhà xã hội chăm sóc người cao tuổi độc thân, người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa, người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn tại cộng đồng theo quy định. Thực hiện các giải pháp hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát đối với người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn; bảo đảm người cao tuổi có điều kiện sống an toàn, phù hợp.

- Triển khai chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám sức khỏe định kỳ, lập sổ theo dõi sức khỏe người cao tuổi tại y tế tuyến xã; ưu tiên nhóm từ 75 tuổi trở lên và từng bước mở rộng đến nhóm từ 65 tuổi trở lên theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Tăng cường khám, chữa bệnh tại nhà đối với người cao tuổi không có điều kiện đến cơ sở y tế; phát triển năng lực chăm sóc, phục hồi chức năng và phòng ngừa khuyết tật tại tuyến cơ sở.

**7. Bảo đảm cơ hội phát triển công bằng cho trẻ em và người yếu thế**

- Ưu tiên các hoạt động chăm sóc, bảo vệ và phát triển trẻ em trong 1.000 ngày đầu đời, nhất là dinh dưỡng, tiêm chủng, giáo dục mầm non, sàng lọc khuyết tật và can thiệp sớm.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ đối tượng yếu thế trong giáo dục phổ thông, đào tạo nghề và hướng nghiệp; chú trọng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và các nhóm có nguy cơ bị bỏ lại phía sau.

- Tăng cường đầu tư, huy động nguồn lực phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đặc thù; ứng dụng học liệu phù hợp với học sinh khuyết tật, bao gồm ngôn ngữ ký hiệu, chữ nổi; bổ sung đội ngũ giáo viên, nhân viên có chuyên môn phù hợp với giáo dục người khuyết tật theo quy định.

- Thực hiện các giải pháp bảo đảm người khuyết tật tiếp cận công trình công cộng, giao thông, giáo dục, y tế và dịch vụ số; từng bước cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ thiết yếu và môi trường sống bình đẳng, thuận lợi cho người khuyết tật.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động người dân chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, sàng lọc trước sinh, sơ sinh và sàng lọc một số bệnh phổ biến, nguy hiểm phù hợp với từng lứa tuổi và nhóm đối tượng.

**8. Nâng cao khả năng thích ứng với thiên tai, dịch bệnh và quá trình phát triển xanh**

- Rà soát, xây dựng và cập nhật bản đồ rủi ro, danh sách các hộ gia đình dễ bị tổn thương và phương án ứng phó với thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn; chú trọng các nhóm người nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và người lao động yếu thế.

- Khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh, chủ động kích hoạt các cơ chế dữ liệu, ngân sách và hệ thống thanh toán theo thẩm quyền để rút ngắn thời gian hỗ trợ người dân; ưu tiên hỗ trợ kịp thời đối với các trường hợp đã đủ căn cứ xác định.

- Các chương trình phát triển, thu hồi đất, sắp xếp sản xuất trên địa bàn phải gắn với phương án về việc làm, thu nhập và sinh kế của người dân; thực hiện hoặc đề xuất các giải pháp đào tạo lại, hỗ trợ di chuyển, bảo hiểm thất nghiệp và tạo việc làm tại chỗ cho người lao động, hộ dân bị ảnh hưởng.

- Bảo đảm người nghèo và người lao động yếu thế không phải gánh chịu bất lợi trong quá trình phát triển; chủ động thực hiện các chính sách hỗ trợ chuyển đổi sinh kế, ổn định đời sống và tiếp cận việc làm phù hợp.

**9. Đổi mới quản trị, tài chính và giám sát xã hội**

- Xây dựng, lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ an sinh xã hội trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch tài chính - ngân sách của thành phố; công khai nguồn lực và kết quả thực hiện từng chương trình, chính sách theo quy định.

- Rà soát các chính sách, chương trình, nhiệm vụ an sinh xã hội trên địa bàn để phát hiện, đề xuất xử lý những chính sách trùng lặp, chồng chéo, kém hiệu quả; bảo đảm sử dụng nguồn lực đúng mục tiêu, đúng đối tượng, tiết kiệm và hiệu quả.

- Huy động nguồn lực xã hội tham gia thực hiện chính sách an sinh xã hội, đồng thời bảo đảm Nhà nước giữ vai trò bảo đảm sàn an sinh tối thiểu cho người dân.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách an sinh xã hội; xử lý nghiêm các hành vi trục lợi chính sách, thiếu trách nhiệm, gây phiền hà, thờ ơ, vô cảm đối với người dân.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; bảo vệ cán bộ cơ sở dám quyết định, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích của Nhân dân trong những tình huống cấp thiết theo quy định.

## IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan.

- Lồng ghép từ các chương trình, dự án, đề án có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật; huy động viện trợ, tài trợ và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, hiệu quả, tiết kiệm theo quy định của pháp luật và không để thất thoát, lãng phí.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1. Sở Nội vụ**

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn thành phố; kịp thời tổng hợp tình hình, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo và kiến nghị UBND thành phố các giải pháp cần thiết nhằm bảo đảm triển khai đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch.

- Định kỳ hằng năm, trước ngày 15 tháng 12, hoặc đột xuất khi có yêu cầu, tổng hợp báo cáo UBND thành phố về kết quả thực hiện Kế hoạch để báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định.

**2. Sở Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và khả năng cân đối ngân sách thành phố; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan chủ trì nhiệm vụ rà soát, lồng ghép, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch; tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề về nguồn lực tài chính phát sinh trong quá trình thực hiện.

**3. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường**

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Phụ lục phân công nhiệm vụ kèm theo, bảo đảm chất lượng, tiến độ và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị.

- Chủ động cân đối, bố trí kinh phí, nhân lực và các nguồn lực hợp pháp khác theo thẩm quyền để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

**4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố**

- Phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và các địa phương tổ chức triển khai các nhiệm vụ liên quan tại Kế hoạch; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, huy động sức mạnh của Nhân dân trong thực hiện chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người yếu thế.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức phát hiện sớm những hoàn cảnh khó khăn ngay tại cộng đồng; kết nối các nguồn lực xã hội theo hướng công khai, minh bạch, tránh trùng lặp, bảo đảm hỗ trợ đúng đối tượng và tôn trọng phẩm giá của người được hỗ trợ.

**5. Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân**

Phát huy trách nhiệm trong tạo việc làm bền vững, bảo đảm quyền lợi, cơ hội bình đẳng cho người lao động; tích cực tham gia phát triển doanh nghiệp xã hội, quỹ cộng đồng, dịch vụ chăm sóc và công nghệ trợ giúp theo hướng minh bạch, hiệu quả, đúng quy định pháp luật.

## VI. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN VÀ BÁO CÁO

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị được giao tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện, kịp thời đề xuất điều chỉnh các nhiệm vụ, giải pháp thuộc phạm vi quản lý khi cần thiết.

2. Định kỳ trước **ngày 15 tháng 12 hằng năm**, hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo kết quả thực hiện về UBND thành phố (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp,

báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định; kịp thời báo cáo UBND thành phố đối với những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh yêu cầu điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động rà soát, đề xuất, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, tham mưu UBND thành phố theo quy định./.

***Nơi nhận:***
- Bộ Nội vụ ;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Như mục V;
- CVP, các PCVP UBND thành phố;
- Lưu: VT, KHCN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Mạnh**